

Bản án số: 330/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 09 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Năm.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Chánh.**

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Thanh** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1377/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Kim H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ : Thôn Kỳ Lộ, Xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Bi đơn: Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ : Khu phố 6, Phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạnh H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bà đã nhiều lần tìm hướng giải quyết nhưng không được nên đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H. Cho bà H được ly hôn với ông H.

Về con chung : Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung : Bà H trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung : Bà H trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Mạnh H hiện đang cư trú tại : Khu phố 6, Phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H đầy đủ. Tuy nhiên ông H vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2019 tại UBND phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện : Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông H có xảy ra hay không thì địa phương không nắm rõ do không có trình báo địa phương được biết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai người có điều kiện hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng ông H không đến. Qua đó cho thấy bà H và ông H không còn tình cảm với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho họ được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, do ông H vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu về phần tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim H.

Bà **Ngô Thị Kim H** được ly hôn với ông **Nguyễn Mạnh H**.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo phiếu thu số 0002567 ngày 05/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS TP Biên Hòa, ĐN.
- UBND nơi cấp GCNKH.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Năm